TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/DS-ST
Ngày: 16-5-2023.
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Chúc.

2. Bà Thi Thị Thanh Trúc.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Huê – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh***: Ông Trần Văn Thòn – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 448/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Thanh T, sinh năm 1988. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Trà Cuôn, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Vang Nhứt, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 02 năm 2023 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trương Thị Thanh T có ý kiến trình bày và yêu cầu như sau:*

Bà Trương Thị Thanh T với bà Đỗ Thị S có giao dịch vay tiền và bà S vay lần đầu là: 10.000.000 đồng vào ngày 15/7/2022 với lãi suất thoả thuận thời hạn trả

là ngày 15/9/2022 (02 tháng); sau đó vào ngày 10/10/2022 bà S vay tiếp số tiền 6.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận. Thời hạn trả 10/11/2022 (01 tháng).

Tổng số tiền vay 02 lần là: 16.000.000 đồng. Bà T nhiều lần đòi nhưng bà S không trả. Nay bà T yêu cầu bà S trả số tiền vốn vay: 16.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Đỗ Thị S vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Trương Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bà S được Tòa án triệu tập tham gia xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà S vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt bà S.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh có quan điểm*:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời kiểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: thẩm quyền thụ lý vụ án; quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết; tư cách pháp lý; thời hạn xét xử; thủ tục tiến hành hòa giải; thu thập chứng cứ; cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát; thời hạn gởi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 68; Điều 97; Điều 177; Điều 196; Điều 203; Điều 205; Điều 208; Điều 209; Điều 210; Điều 211; Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 239; Điều 243; Điều 247; Điều 249; Điều 250; Điều 251; Điều 252; Điều 260 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Vị kiểm sát viên đề xuất:

+ Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466; Điều 468, Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thanh T. Ngoài ra, các đương sự còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng vay. Về thẩm

quyền giải quyết, căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng. Về xác định tư cách đương sự, xác minh thu thập chứng cứ đều thực hiện theo các quy định tại các Điều 68 và Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Trương Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Đỗ Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho bà T 16.000.000 đồng. Chứng minh cho yêu cầu của mình bà T có cung cấp cho Tòa án tờ biên nhận đề ngày 15/7/2022 và biên nhận đề ngày 10/10/2022 có chữ ký và chữ viết của bà S.

Hội đồng xét xử nhận thấy giấy biên nhận đề ngày 15/7/2022 và biên nhận đề ngày 10/10/2022 có chữ viết và ký tên của bị đơn bà Đỗ Thị S, như vậy xác định đây là chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không cần phải chứng minh. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất và xét xử nhưng bị đơn không đến Tòa án, coi như bị đơn từ bỏ quyền được yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn 16.000.000 đồng vốn gốc.

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn có yêu cầu lãi suất nhưng có yêu cầu rút, không yêu cầu phía bị đơn trả lãi suất nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ về yêu cầu lãi suất của nguyên đơn.

[4] Từ những căn cứ trên. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn vốn gốc bằng 16.000.000 đồng.

[4] Lời trình bày của vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 147 và Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thanh T.

Tuyên xử: Buộc bị đơn bà Đỗ Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Thị Thanh T vốn gốc bằng 16.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí sơ thẩm:

- Bà Trương Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trương Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 420.000 đồng theo biên lai thu số 0014783 ngày 23/02/2023, nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn bà Đỗ Thị S phải chịu 800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hoàng Nguyên